TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2019/HS-ST
Ngày 31-10-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dương Quỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm C1 khai theo thủ tục rút gọn vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 101/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn N –** sinh năm 1991; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn H, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 7/12; Con ông Phạm Văn T3 – sinh năm 1970 và bà Đào Thị H3 – sinh năm 1971; Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/8/2019 đến ngày 06/9/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lĩnh. Hiện tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị C – sinh năm 1973 (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Huy H – sinh năm 1968 (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Phạm Văn H1– sinh năm 1994.

Nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- Người làm chứng:

1. Bà Nhữ Thị C – sinh năm 1955.

2. Anh Lê Văn C1 – sinh năm 1983.

3. Ông Nguyễn Văn Q – sinh năm 1964.

4. Cháu Nguyễn Huy C1 – sinh năm 2003.

Người giám hộ cho cháu C1 là anh Nguyễn Huy H – sinh năm 1968 và chị Nguyễn Thị C – sinh năm 1973 (là bố, mẹ đẻ cháu C1).

Đều nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn N – sinh năm 1991, trú tại thôn H, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang là đối tượng nghiện ma tuý. Khoảng 07 giờ ngày 10/8/2019, N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu sơn xanh, biển kiểm soát 98D1-726.83 đi từ nhà đến Trung tâm điều trị Methadone thuộc Trung tâm Y tế huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang để uống thuốc cai nghiện Methadone theo định kỳ.

Khoảng 08 giờ cùng ngày, sau khi uống thuốc cai nghiện xong, N điều khiển xe mô tô đi theo Quốc lộ 37 (hướng từ Việt Yên đi H để về nhà) đến khu vực trước cửa hàng bán đồ điện nước HC của gia đình chị Nguyễn Thị C – sinh năm 1973 trú tại thôn X, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang thì N nhìn thấy cửa hàng bán đồ điện nước HC không có người trông coi nên N nảy sinh ý định trộm cắp tài sản mang đi tiêu thụ lấy tiền chi tiêu cá nhân. N đỗ xe lại và dựng xe ở rìa đường phía trước cửa hàng, hướng đầu xe về phía huyện H rồi đi bộ vào trong cửa hàng. Quan sát thấy trong cửa hàng không có người, mua bán, N đi đến gian hàng phía bên phải (theo hướng từ cửa nhìn vào), dùng hai tay bê làm hai lần, mỗi lần được khoảng ba đến bốn cuộn dây dẫn điều hoà bằng đồng ra chỗ xe mô tô và để số dây này lên yên xe. N tiếp tục quay vào bên trong cửa hàng dùng tay bê tiếp những cuộn dây dẫn điều hòa mang ra xe nhưng khi N vừa nhấc những cuộn dây này lên chưa kịp mang ra chỗ để xe mô tô thì bị cháu Nguyễn Huy C1 – sinh năm 2003 (là con trai của chị C) phát hiện, hô hoán mọi người đến bắt giữ N, sau đó đưa N cùng toàn bộ tang vật đến Công an xã T lập biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang. Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang gồm: 10 cuộn dây ống đồng điều hoà (trong đó có 02 cuộn dây phi 16, 01 cuộn dây phi 12, 05 cuộn dây phi 10 và 02 cuộn dây phi 6) và 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98D1-726.83.

Cùng ngày, chị Nguyễn Thị C giao nộp cho C1 an huyện Việt Yên: 01 mũ lưỡi trai màu trắng, 01 khẩu trang y tế màu xám và 01 đĩa CD-R trích xuất từ camera an ninh của gia đình chị C ghi lại hình ảnh Phạm Văn N trộm cắp tài sản của gia đình chị C.

Ngày 13/8/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Việt Yên tiến hành định giá và kết luận: 02 cuộn ống đồng điều hoà phi 16 có giá trị 760.000 đồng/cuộn, tổng giá trị là 1.520.000 đồng; 01 cuộn ống đồng điều hoà phi 12 có giá trị 550.000 đồng/cuộn; 05 cuộn ống đồng điều hoà phi 10 có giá trị 420.000 đồng/cuộn, tổng giá trị là 2.100.000 đồng; 02 cuộn ống đồng điều hoà phi 6 có giá trị 280.000 đồng/cuộn, tổng giá trị là 560.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 4.730.000 đồng.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu sơn xanh biển kiểm soát 98D1-726.83, quá trình điều tra xác định chiếc xe thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Phạm Văn H1– sinh năm 1994 (anh H1 là em trai và ở cùng nhà với Phạm Văn N). Khi cho N

mượn xe, anh H1 không biết N sử dụng vào việc phạm tội nên ngày 05/6/2019, Cơ quan điều tra C1 an huyện Việt Yên đã quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại xe cho anh H1.

01 mũ lưỡi trai màu trắng, 01 khẩu trang y tế màu xám do chị C giao nộp là tài sản của Phạm Văn N sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội, chiếc mũ và khẩu trang này đã bị rơi tại hiện trường trong quá trình N bị bắt quả tang.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị C đã nhận lại 10 cuộn dây ống đồng điều hoà và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 96/QĐ-VKS ngày 18/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên đã truy tố bị cáo Phạm Văn N ra trước Tòa án nhân dân huyện Việt Yên về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay bị cáo Phạm Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân bị cáo, đề nghị Tòa án:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn N phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn N từ ..... tháng đến ..... tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ …. tháng đến …….tháng.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) mũ lưỡi trai màu trắng, 01 (một) khẩu trang y tế màu xám.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự

nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt, Tòa án thấy trong hồ sơ đã có đầy đủ lời khai thể hiện quan điểm của họ và sự vắng mặt của họ không gây ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ vào khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 08 giờ ngày 10/8/2019 tại cửa hàng bán đồ điện nước HC của gia đình chị Nguyễn Thị C – sinh năm 1973, ở thôn X, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang, Phạm Văn N đã có hành vi trộm cắp 10 cuộn dây ống đồng điều hoà (trong đó có 02 cuộn dây phi 16, 01 cuộn dây phi 12, 05 cuộn dây phi 10 và 02 cuộn dây phi 6) có tổng trị giá 4.730.000 đồng *(Bốn triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng).*

Như vậy hành vi của Phạm Văn N đã cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*". Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 96/QĐ-VKS ngày 18/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên và bản Luận tội của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tại phiên tòa đã truy tố bị cáo về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và không oan đối với bị cáo.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của C1 dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự C1 cộng, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, Tòa án xét thấy cần thiết phải áp dụng đối với bị cáo một hình phạt theo Bộ luật hình sự mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy:

Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Qua đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên không cần thiết phải buộc bị cáo cách ly khỏi xã hội một thời gian mà cho bị cáo được hưởng án treo, có ấn định thời gian thử thách theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự cũng đủ điều kiện để giáo dục bị cáo trở thành C1 dân tốt.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo sống phụ thuộc vào gia đình, không có thu nhập ổn định và là đối tượng nghiện ma túy nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị C đã nhận lại 10 cuộn dây ống đồng điều hoà và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì. Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu sơn xanh biển kiểm soát 98D1-726.83, quá trình điều tra xác định chiếc xe thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Phạm Văn H. Khi cho N mượn xe, anh H1 không biết N sử dụng vào việc phạm tội nên ngày 05/6/2019, Cơ quan điều tra C1 an huyện Việt Yên đã quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại xe cho anh H1. Anh H1 đã nhận lại xe và không có đề nghị gì. Do đó Tòa án không xem xét giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) mũ lưỡi trai màu trắng, 01 (một) khẩu trang y tế màu xám là vật không có giá trị, không sử dụng được cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn N phạm tội *"Trộm cắp tài sản".*

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn N ..... tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là ..... tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Văn N cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Phạm Văn N.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) mũ lưỡi trai màu trắng, 01 (một) khẩu trang y tế màu xám.

3. Về án phí: Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- C1 an huyện Việt Yên;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS+VP.

(đã ký)

Ngô Văn Quang